

Số: 1661/QĐ-UBND-XD

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 11 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng  
thị trấn Bình Gia, huyện Bình gia.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại báo cáo thẩm định số 558/SXD – QHND ngày 09/10/2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Bình Gia, huyện Bình gia với nội dung sau:

1- Tên dự án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia.

2- Địa điểm quy hoạch: Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia.

3- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

4- Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Lạng Sơn.

5- Phạm vi nghiên cứu, quy mô, tính chất quy hoạch:

5.1- Phạm vi:

- Phía Tây nam giáp : Cầu ải đường QL1b ( Xã Hoàng Văn Thụ )

- Phía Tây bắc giáp . Cầu Thuận Như đường 279 ( Xã Hoàng Văn Thụ )

- Phía Đông nam giáp khu rừng thông cắt ngang ( Xã Tô Hiệu )

- Phía Đông bắc đến đỉnh dốc Pắc Sào đường 226 ( Xã Tô Hiệu )

Tổng diện tích tự nhiên của khu vực nghiên cứu 313 ha

5.3 Qui mô qui hoạch:

- Diện tích qui hoạch: 113 ha

- Qui mô dân số: 2005 đến 2010: 6.000 dân

2010 đến 2020 : 7.000 dân

5.4 Tính chất: Quy hoạch trung tâm thị trấn huyện lỵ, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện.

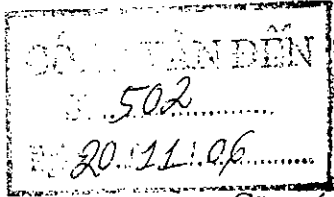
6- Mục tiêu và nhiệm vụ qui hoạch chi tiết xây dựng:

6.1-Mục tiêu:

- Phải đáp ứng được mối liên hệ phát triển kinh tế vùng theo qui hoạch phát triển KT-XH của huyện giai đoạn đến năm 2020.

- Khai thác được các lợi thế về giao thông ( QL1B, đường 279 )

- Đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai.



(77)

- Xác định được khu trung tâm hành chính- chính trị mới phù hợp với hướng phát triển lâu dài, có tính khả thi, làm hạt nhân để thúc đẩy, phát triển các khu chức năng khác.

- Quy hoạch sử dụng hợp lý đất đai các khu chức năng và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh làm cơ sở hoạch định các kế hoạch và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển trước mắt và lâu dài.

- Tạo môi trường sống an toàn, vệ sinh và tiện nghi cho con người trong công việc tổ chức không gian, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

- Đáp ứng yêu cầu xây dựng trong giai đoạn, yêu cầu phát triển đô thị theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và giữ gìn bản sắc dân tộc.

- Làm cơ sở để triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị mới và quản lý xây dựng theo qui hoạch.

#### 6.2-Nhiệm vụ:

- Đánh giá thực trạng xây dựng, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và các động lực phát triển.

- Cụ thể hoá kế hoạch đầu tư về danh mục “ Dự án đầu tư và xây dựng trên địa bàn trong năm “ về Quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Bình Gia.

- Xây dựng mặt bằng sử dụng đất đai và qui định chế độ quản lý đất cho đối tượng sử dụng.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan môi trường đô thị.

- Nghiên cứu phân kỳ đầu tư xây dựng cho từng giai đoạn 2005 – 2010 – 2020. Thiết kế đô thị.

#### 7- Nội dung qui hoạch chi tiết xây dựng:

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Qui hoạch (2020)
<b>I</b>	<b>Dân số</b>		
1.1	Dân số trong khu vực thiết kế		
-	Tới năm 2010	Người	6.000
-	Tới năm 2020	Người	7.000
1.2	Mật độ cư trú	Người / Ha	80
<b>II</b>	<b>Đất đai</b>		
	Tổng diện tích đất nghiên cứu	Ha	313
	Trong đó :		
1	Đất ở	Ha	31,13
2	Đất công cộng	Ha	20,076
3	Đất công nghiệp	Ha	2,65
4	Các chỉ tiêu.		
4.1	Nhà ở		
	- Nhà liền kề bình quân	m <sup>2</sup> đất / hộ	80 - 100
	- Nhà vườn	m <sup>2</sup> đất / hộ	250 - 300
	- Nhà cải tạo xen cây	m <sup>2</sup> đất / hộ	75 - 120
4.2	Đất công cộng		

	- Trường học mẫu giáo	m <sup>2</sup> / 1 chỗ	20 - 30
	- Trường tiểu học ( Cấp I )	"	18 - 22
	- Trường THCS ( Cấp II )	"	20 - 25
	- Trường PTTH ( Cấp III )	"	30 - 25
	- Bệnh viện	m <sup>2</sup> /giường	30 - 50
	- Sân TDTT	m <sup>2</sup> /người	0,8 - 1,0
	- Chợ	ha/công trình	0,2-0,5
	- Cây xanh	m <sup>2</sup> /người	7 - 10
III	Sử dụng đất		
1	Mật độ xây dựng toàn khu vực	%	40 - 60
2	Tầng cao bình quân	Tầng	2 - 4
3	Tầng cao nhất	Tầng	5
4	Hệ số sử dụng toàn khu vực	Lần	0.85
IV	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông	Km/Km <sup>2</sup>	8,0
2	Cấp nước	L/ng/ngày.đề m	120
3	Cấp điện	Kw / người	0,23

### 7.1- Quy hoạch sử dụng đất và định hướng kiến trúc:

#### a/ Cơ cấu sử dụng đất:

Trên cơ sở quy hoạch chung đã được lập mở rộng ranh giới thị trấn về phía nam khu ngã ba đường QL1B và đường 279, phía đông nam ngã tư đường 1B, đường đi Văn Mịch và đường vào thị trấn. Dự báo dân số năm 2010 là 6.000 người, năm 2020 là 7.000 người. Mở rộng đường QL1B và đường 279 (Đoạn từ ngã tư đường QL1B, đường đi Văn Mịch và đường vào thị trấn tới ngã ba đường QL1B với đường 279 đến cầu Thuận Như đường đi Pắc Khuông) thành đường một chiều làm trục chính trung tâm đô thị, gắn kết các trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm hành chính chính trị, quảng trường, trung tâm văn hoá TDTT, trung tâm giáo dục, khu cây xanh công viên vui chơi giải trí, các khu ở xen cây cải tạo, khu ở mới.

### Bảng cân bằng đất đai thị trấn

Số TT	Các loại đất	Hiện trạng 2005 ( ha )	Tỷ lệ (%)	Quy hoạch 2010 ( ha )	Tỷ lệ (%)	Quy hoạch 2020 ( ha )	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng			57,03	18,2	88,284	28,2
1	Đất ở			18,44	5,8	31,13	9,9
1.1	Đất ở cải tạo xen cây	12,36	3,9	12,36	3,9	12,36	3,9
1.2	Đất ở mới			6,08	1,9	18,77	6,0
2	Đất công trình công cộng			15,81	5,1	20,076	6,4
2.1	Giữ nguyên, cải tạo	9,01	2,9	9,01	2,9	9,01	2,9
2.2	Chuyển, bổ xung, xây mới			6,8	2,2	11,066	3,5
3	Đất giao thông			17,66	5,6	25,76	8,2
3.1	Cải tạo, nâng cấp	9,46	3	9,46	3,0	9,46	3,0
3.2	Xây dựng mới			8,2	2,6	16,3	5,2
4	Đất cây xanh			1,4	0,4	5,168	1,7
5	Đất nghĩa trang	2,2	0,7	1,87	0,6	3,95	1,3
6	Đất quân đội	2,5	0,8	0,7	0,2	0,7	0,2
7	Đất công nghiệp			1,15	0,4	1,5	0,5
II	Đất khác			255,97	81,8	224,761	71,8
1	Đất nông nghiệp	237,43	75,9	215,93	69,0	184,676	59,0
2	Đất hồ, ao, suối	4,5	1,4	4,5	1,4	4,5	1,4
3	Đất có độ dốc lớn hơn 30%	28,34	9,1	28,34	9,1	28,34	9,1
4	Đất núi đá	7,2	2,3	7,2	2,3	7,2	2,3
	Cộng	313	100	313	100	313	100

b/ Quy hoạch sử dụng đất:

- **Trung tâm hành chính:** Bố trí trên khu đất Đôn Lương ( Đất quân đội đã có thoả thuận giữa Bộ tư lệnh quân khu I với huyện uỷ huyện Bình Gia ) và một phần đất ruộng .

Bao gồm : Trụ sở UBND huyện, Trụ sở huyện uỷ, hội trường chung, các ban ngành của huyện kết hợp với quảng trường, cây xanh công viên. Tổng diện tích: 7,73 ha trong đó :

+ Đất trung tâm hành chính chính trị ; 3,18 ha

+ Đất quảng trường ; 0,7 ha

+ Đất cây xanh công viên ; 3,85 ha

- **Trung tâm dịch vụ thương mại, bãi đỗ xe:** Bố trí phía đông nam thị trấn gần ngã tư đường 1b, đường đi Văn Mịch và đường vào thị trấn

+ Chợ chính trung tâm, các công trình dịch vụ vật tư nông nghiệp, nhà hàng, và bãi chợ phiên, kết hợp bãi đỗ xe cho thị trấn .

Tổng diện tích : 2,2 ha trong đó :

+ Đất trung tâm thương mại; 1,5 ha

+ Đất bãi đỗ xe; 0,7 ha

Bãi chợ phiên sử dụng khu đất dự trữ phát triển công trình công cộng tổng diện tích 8.140 m<sup>2</sup>

Khu vực chợ thị trấn hiện trạng cải tạo chỉnh trang mặt đứng kiến trúc phục vụ cho dân cư phía bắc và xã Hoàng Văn Thụ. Tổ chức chợ khu vực thuộc xã Tô

Hiệu ( Phía Tây nam đường 1B ) phục vụ cho dân cư phía nam đường 1B về Lạng Sơn, Tổng diện tích chợ khu vực 1,067 ha

- **Trung tâm văn hoá thể dục thể thao vui chơi giải trí:** Bố trí tại địa điểm sân vận động cũ mở rộng quỹ đất đáp ứng đủ và hướng phát triển lâu dài của thị trấn.

+ Giai đoạn đến năm 2010 tổ chức sân chơi, bãi tập cho học sinh tại khu vực trung tâm giáo dục thuộc địa bàn xã Tô Hiệu. Tổng diện tích là 1,318 ha.

+ Giai đoạn sau năm 2020 tổ chức tại khu vực sân vận động hiện trạng. Bao gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu có mái che, bể bơi và các sân chơi nhỏ ngoài trời kết hợp nhà văn hoá, thư viện huyện tạo một khu trung tâm văn hoá TDTT phục vụ cho nhu cầu tập luyện TDTT, của thị trấn và toàn huyện. (Trước mắt khu vực này chưa sử dụng vẫn tiếp tục sản xuất nông nghiệp). Tổng diện tích 9 ha.

- **Khu cây xanh công viên thị trấn:** Bố trí kết hợp với trung tâm hành chính chính trị của huyện tạo không gian xanh, yên tĩnh, hạn chế tiếng ồn và bụi, tạo điểm nhấn kiến trúc cho khu vực trung tâm.

- **Khu ở xen cây cải tạo:** Các khu ở hiện trạng của thị trấn quỹ đất không có khả năng mở rộng hệ thống giao thông nội thị nhỏ, độ dốc lớn không đáp ứng theo tiêu chuẩn về giao thông đô thị trong giai đoạn đầu đến năm 2010 cần cải tạo nâng cấp các trục giao thông, xen cây lô ở chỉnh trang kiến trúc mặt tiền phù hợp với kiến trúc dân tộc.

+ Khu ở cải tạo xen cây: khu vực thị trấn cũ, dọc đường QL1b và đường lên thị trấn tổng 12,36 ha.

- **Khu ở mới giai đoạn sau năm 2010, và năm 2020:** Phát triển song song theo trục chính trung tâm bao quanh khu trung tâm hành chính chính trị, trung tâm thương mại, kết hợp với các khu chức năng khác tạo một thị trấn hoàn chỉnh. Diện tích: 18,77 ha

- **Trung tâm giáo dục:** Tôn trọng địa điểm hiện trạng đã đầu tư xây dựng, bố trí sân chơi bãi tập cho khu vực này. Do đặc điểm của thị trấn khu dân cư không tập trung do đó cần bố trí thêm trường tiểu học, nhà trẻ mẫu giáo bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn hiện hành.

- **Trung tâm y tế:** Tôn trọng địa điểm đã được đầu tư xây dựng, cần tổ chức đường vào khu bệnh viện huyện, bố trí các trung tâm y tế phục vụ việc khám, sơ cứu cho nhân dân các khu ở xa trung tâm y tế.

- **Khu đôi huyện uỷ, UBND huyện:**

+ Trụ sở UBND huyện hiện trạng bố trí trường chính trị huyện địa điểm này yên tĩnh thoáng mát phù hợp với một trường chính trị.

+ Trụ sở huyện Uỷ ( Hiện trạng ) Bố trí trụ sở huyện đội.

+ Phát thanh truyền hình giữ nguyên địa điểm cũ ( Cần mở rộng quỹ đất cho phát triển trong tương lai ).

+ Các công trình khác thuộc đôi Uỷ ban trong giai đoạn trước mắt vẫn sử dụng giai đoạn sau có kinh phí đầu tư xây dựng sẽ chuyển xuống khu vực đất dự trữ cho các cơ quan ban ngành của huyện sau trung tâm hành chính chính trị của huyện.

*Các khu chức năng khác :*

- Khu công nghiệp, kho tàng, trạm trại bố trí phía tây đường 279 đi Pắc Khuông; diện tích 1,15 ha, các hộ sản xuất không gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn bố trí trên đường 1B đi Lạng Sơn, và đường vào thị trấn hiện trạng.

X - Khu nghĩa trang thị trấn, nghĩa trang liệt sỹ tôn trọng địa điểm hiện trạng, cần tôn tạo, mở rộng, tổ chức cây xanh sân vườn.

Diện tích khu này 3,95 ha: Giai đoạn đầu đến 2010 cải tạo 1,87ha giai đoạn sau mở rộng 2,08ha.

- Khu xử lý nước thải bố trí hạ lưu phía Tây Nam đường đi Bắc Sơn là khu vực cuối nguồn nước diện tích 1,5ha.

- Khu xử lý rác thải bố trí cách thị trấn tối thiểu 3km về phía Lạng Sơn

- Tôn trọng kế thừa các công trình ngành dọc đã được đầu tư xây dựng kiên cố trên địa bàn thị trấn.

c/ Các khu vực trọng tâm, các tuyến, các điểm nhấn và tầm nhìn quan trọng:

- *Tổ chức không gian đường trục chính:*

+ Bố trí công trình nhà ở theo hình thức nhà liền kề, xen cấy các nhà lô phố tạo tiền đề cho phát triển đô thị.

+ Bố trí tổ hợp các công trình khu trung tâm hành chính chính trị tạo thành các cụm điểm gắn với khu cây xanh, quảng trường tạo không gian thoáng mát, yên tĩnh, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị.

- *Tổ chức không gian đường trục, đường nhánh:*

+ Là không gian ở nối giữa các khu chức năng trong đô thị, cần tổ chức các hình thức kiến trúc mang đậm nét dân tộc, hiện đại. Kết hợp nhà ở liền kề, nhà ở có vườn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Từ nông nghiệp thuần – bán nông nghiệp – phi nông nghiệp thúc đẩy cho phát triển đô thị, nâng cao đời sống cho người dân lao động.

- *Địa điểm công trình trọng điểm:*

+ Là trung tâm hành chính chính trị của huyện. trong giai đoạn đầu cần đầu tư xây dựng trụ sở UBND huyện, huyện Ủy, một số cơ quan ban ngành của huyện tạo một khu trung tâm hành chính chính trị khang trang, hiện đại. Là điểm nhấn kiến trúc và cũng là động lực cho sự phát triển của đô thị trong tương lai.

+ Trung tâm thương mại, bãi đỗ xe của thị trấn là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị, gắn kết giữa đô thị cũ và đô thị mở rộng.

+ Trung tâm văn hoá TDTT: Trong giai đoạn trước mắt 2005 - 2010 cần tổ chức sân chơi, bãi tập phục vụ nhu cầu giáo dục và khu vực. Giai đoạn sau: 2010 - 2020 tổ chức khu văn hoá TDTT phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, TDTT phục vụ cho thị trấn và toàn huyện.

- *Các yêu cầu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan:*

+ Không phá vỡ cảnh quan của đô thị miền núi,

+ Mở rộng không gian đô thị, đảm bảo tầm nhìn hiệu quả đối với các khu chức năng chính trong đô thị, đưa các công trình kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên hoà nhập với cảnh quan chung, thúc đẩy cho sự phát triển đô thị.

7.2- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a/ Giao thông:

- Nâng cấp cải tạo mặt đường, vỉa hè các trục đường hiện trạng không có khả năng mở rộng chỉ giới, nắn tuyến trong khu phố cổ. Tổng chiều dài các tuyến nâng cấp cải tạo 4,646 km

- Nâng cấp mở rộng trục đường QL1b đoạn từ ngã tư đường 1b, đường đi Văn Mịch và đường vào thị trấn đến ngã ba đường 1b và đường 279 thành đường một chiều chỉ giới đường đỏ 27m mặt cắt ngang ( 4,5+7,5+3+7,5+4,5)

- Nâng cấp mở rộng trục đường 279 từ ngã ba đường QL1b đến cầu Thần Như thành đường một chiều chỉ giới đường đỏ 36m mặt cắt ngang: ( 6+10,5+3+10,5+6 )

*Khu qui hoạch mới:*

- Các tuyến phân khu chức năng có chỉ giới đường đỏ 23,25m ( 6+11,25+6 ), các tuyến giao thông nội bộ có chỉ giới đường đỏ 17m ( 4,5+8+4,5), các tuyến ven chân núi phục vụ giao thông nông nghiệp có chỉ giới đường đỏ 9,75 ( 3+3,75+3 )

Tổng chiều dài các tuyến đầu tư xây dựng mới 8,448 km.

- Giao thông tĩnh: Tổ chức bãi đỗ xe thị trấn gần trung tâm thương mại theo qui hoạch với diện tích 7.000 m<sup>2</sup>

b/ San nền - Thoát nước mặt:

- **San nền.**

+ Dựa trên cơ sở phạm vi quy hoạch kiến trúc, cao độ trục đường 1B và đường 279 đi qua trung tâm. Toàn bộ diện tích san nền được khống chế bởi cao độ và độ dốc dọc có trục đường giao thông nội bộ.

+ Khi san lấp tạo mặt bằng chú ý xác định tim cốt đường để không đắp phân khuôn đường.

+ Cao độ san nền :  $H_{Max} = 394.56 \text{ m}$  ;  $H_{Min} = 382.76 \text{ m}$ .

+ San tạo mặt bằng từng lô cho khu dân cư, bằng cao độ mép trong của chỉ giới đường đỏ, theo độ dốc dọc cao độ thiết kế các tuyến giao thông nội bộ trong khu trung tâm.

+ Các khu vực xen cây cải tạo chỉ khống chế cao độ thiết kế, không tính khối lượng đào đắp.

+ Nhìn chung toàn bộ mặt bằng thiết kế san nền trong khu vực là đắp. Do vậy cần đào đất từ mỏ đất khác về đắp mặt bằng, cự ly vận chuyển 5 km. Toàn bộ khối lượng đắp lại là đất cấp 3.

+ Hệ số đầm nén  $K = 0,95$

- **Thoát nước:**

+ Hướng thoát chính : ra các dòng suối lân cận khu vực Thị Trấn Bình Gia.

+ Mạng lưới đường cống thoát nước:

*Khu vực 1* : phía Tây Bắc Trung Tâm thoát ra suối ở Ngã 3 đường 279 và đường đi huyện Bắc Sơn.

*Khu vực 2* : toàn bộ phía Đông Bắc thoát ra suối gần khu vực bệnh viện.

*Khu vực 3* : Tuyến phía Đông Nam thoát ra suối trên tuyến đường đi lên trung tâm Thị trấn cũ.

*Khu vực 4*: Trên tuyến đường 1B từ Hạt kiểm lâm huyện cũ thoát về phía đường đi huyện Văn Quan, điểm xả là tại khu vực đất xã Tô Hiệu.

Khu vực 5: Trên tuyến đường 1B từ địa phận xã Tô Hiệu thoát về phía cuối nguồn, đường đi ra huyện Văn Quan.

Giai đoạn đầu hệ thống thoát nước bản và nước mưa thoát chung

Giai đoạn sau năm 2020 : Xây dựng hệ thống cống bao thoát nước bản, vị trí trạm xử lý được đặt cuối Thị Trấn đường đi sang Thị Trấn Bắc Sơn.

c/ Cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện:

+ Đợt đầu: 0,17 KW/người

+ Dài hạn: 0,33 KW/người

Điện lưới quốc 35KV lộ 375 (Chi Lăng – Bắc Sơn) làm nguồn điện cấp cho trạm biến áp trung gian 35/10(22) - 1800 KVA.

- Lưới điện 0,4 KV hai bên đường 1 chiều đi cáp ngầm luôn trong hào cáp hai bên đường để đảm bảo cảnh quan hai bên đường phố,

- Lưới điện 0.4KV đường 1 chiều đi nổi dùng cáp vặn xoắn và phụ kiện chọn bộ,

Bán kính lưới điện 0,4 KV của một trạm biến áp trong thị trấn không lớn hơn 1,5Km. Ngoài ven ngoại ô thị trấn không lớn hơn 2Km để đảm bảo về chất lượng điện năng và hiệu quả kinh doanh bán điện.

- Các trục đường phụ lưới điện 0,4KV và chiếu sáng đi nổi chung cột BTCT ly tâm

d/ Cấp nước:

Chỉ tiêu :

+ Đợt đầu 100l/ng.ng.đ

+ Đợt sau 120l/ng.ng.đ

+ Nguồn nước: Nước ngầm, xử lý nước mặt tại đập Phai Ranh.

## 8- Các dự án ưu tiên đầu tư XD giai đoạn đầu ( đến năm 2010 )

### 8.1-Công trình kiến trúc:

+ Đầu tư xây dựng trụ sở uỷ ban nhân dân huyện ,

+ Hội trường chung,

+ Sân chơi bãi tập ( Khu trung tâm giáo dục )

### 8.2- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Giải phóng mặt bằng san đắp nền khu Đon Luông. ( Địa điểm trụ sở UBND huyện ), xây dựng tuyến giao thông chính vào khu Xây dựng trụ sở,

+ Hệ thống cấp nước thị trấn ( Đã có dự án )

+ Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc khu trung tâm chính trị.

## 9- Khái toán kinh phí đầu tư:

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc:	507.228 tr.đ
- Tổng kinh phí xây dựng hạng mục giao thông :	59.211,4 Tr.đ
- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng san nền thoát nước mặt:	57.261,26 tr.đ
- Tổng mức đầu tư hạng mục cấp nước:	17.581,37 Tr.đ
- Tổng kinh phí hệ thống thoát nước:	23.558,48 Tr.đ
- Tổng kinh phí hệ thống điện:	16.730,0 Tr.đ
<b>Tổng kinh phí:</b>	<b>681.570,5 Tr.đ</b>



**Điều 2.** Sở Xây dựng phối hợp với UBND huyện Bình Gia tổ chức công bố công khai quy hoạch điều chỉnh.

Sở Xây dựng, UBND huyện Bình Gia, các ngành liên quan của tỉnh có trách nhiệm quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND huyện Bình Gia chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận: 33*

- Như điều 3
- CT, các PCT UBND tỉnh
- Lưu XD. VT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vy Văn Thành**